TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN P,** **TỈNH ANGIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 270/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 22 – 6 – 2023

"V/v ly hôn giữa
Chị Ch và anh C"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: bà Hồ Thị Kim Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Văn Tác

2. Bà Nguyễn Thị Kim Chi

- Thư ký phiên tòa: ông Nguyễn Hoàng Nam – Thư ký Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P tham gia phiên tòa:

Ông Lê Thanh Phong – Kiểm sát viên

Ngày 22 tháng 6 năm 2023 tại Tòa án nhân dân huyện P xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 151/2023/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 5 năm 2023 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 170/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị Ch, sinh năm 1998, *(có đơn xin vắng mặt)*.

Nơi cư trú : Số 86, tổ 01, ấp 2, xã B, huyện P, tỉnh An Giang.

2. Bị đơn: anh C, sinh năm 1995, *(có đơn xin vắng mặt)*.

Nơi cư trú: Số 481, tổ 09, ấp T, xã B, huyện P, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 01 tháng 02 năm 2023 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Ch trình bày:

+ Quan hệ hôn nhân: thông qua mai mối, năm 2016 chị và anh C đồng ý kết hôn, cha mẹ hai bên tổ chức lễ cưới ngày 10/11/2016, nhưng chị và anh C không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Sau khi cưới, tháng 12/2016 chị và anh C đi làm công nhân tại tỉnh Bình Dương, đến năm 2019 vợ chồng về quê nhà chồng để chị sinh con. Từ khi chị sinh con thì phát sinh mâu thuẫn do anh C ngày nào

cũng uống rượu, bia, về nhà đập phá tài sản, cha mẹ chồng và chị nhiều lần khuyên can, nhưng anh C không sửa đổi. Đầu năm 2022 chị về nhà cha mẹ đẻ ở, từ đó đến nay anh chị ly thân, thời gian ly thân cha mẹ hai bên hàn gắn nhưng chị không đồng ý trở lại sống chung với anh C, còn anh C không gặp chị hàn gắn. Nay, chị yêu cầu ly hôn anh C.

+ Về nuôi con chung: có 01 con chung tên H, sinh ngày 02/4/2019, chị Ch đang nuôi dưỡng, chị yêu cầu tiếp tục nuôi con, chị không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con, vì chị có điều kiện nuôi con, chị đang làm công nhân thu nhập từ lương bình quân 8.000.000đ/tháng.

+ Về chia tài sản và nợ chung: không có.

Ngày 29/5/2023, chị Ch có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Tại Bản tự khai ngày 29/5/2023, anh C trình bày:

+ Quan hệ hôn nhân: anh thống nhất với trình bày trên của chị Ch về thời gian kết hôn, không có đăng ký kết hôn và thời gian, nguyên nhân mâu thuẫn, anh và chị Ch đã ly thân từ đầu năm 2022 đến nay. Nay, chị Ch yêu cầu ly hôn anh đồng ý ly hôn.

+ Về nuôi con chung: có 01 con chung như chị Ch trình bày trên, anh đồng ý giao cháu H, sinh ngày 02/4/2019 cho chị Ch nuôi, chị Ch không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, nên anh không cấp dưỡng.

+ Về chia tài sản và nợ chung: không có.

Ngày 29/5/2023, anh C có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Tòa án xác minh về đăng ký kết hôn của đương sự, tại văn bản số 291/UBND-HT ngày 01/6/2023 về việc trả lời xác nhận đăng ký kết hôn của Ủy ban nhân dân xã B cho biết, qua tra cứu tàng thư hộ tích trên hệ thống quản lý dữ liệu của xã, anh C, sinh năm 1995, ngụ ấp Bình Thành, B, huyện P, tỉnh An Giang và chị Ch, sinh năm 1998, ngụ ấp Bình Phú 2, B, huyện P, tỉnh An Giang không có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã B, huyện P, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký và những người tham gia tố tụng chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về giải quyết vụ án, chị Ch yêu cầu ly hôn với anh C, nhưng anh chị không đăng ký kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình. Căn cứ Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09-6-2000 của Quốc hội, Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình đề nghị không công nhận chị Ch và anh C là vợ chồng; nuôi con chung, đề nghị giao cháu H, sinh ngày 02/4/2019 cho chị Ch nuôi dưỡng, anh C không phải cấp dưỡng nuôi con vì chị Ch không yêu cầu; đương sự không yêu cầu chia tài sản nên không xem xét; về án phí, chị Ch phải chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: chị Ch khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh C, Tòa án thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Chị Ch và anh C đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1

Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị Ch và anh C.

[2] Về nội dung giải quyết vụ án:

[2.1]Năm 2016, chị Ch và anh C sống chung như vợ chồng, nhưng không đăng lý kết hôn theo luật định, nên hôn nhân của anh chị là không hợp pháp. Căn cứ Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội, Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và đề nghị đại diện Viện kiểm sát là phù hợp, nên không công nhận chị Ch và anh C là vợ chồng.

[2.2] Về nuôi con chung: chị Ch yêu cầu tiếp tục nuôi con chung tên H, sinh ngày 02/4/2019, chị đang nuôi dưỡng, chị Ch không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con. Anh C đồng ý giao cháu H cho chị Ch tiếp tục nuôi dưỡng. Căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử giao cháu Huy cho chị Ch trực tiếp nuôi dưỡng. Tại khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *"Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con"*, nhưng chị Ch không yêu cầu anh C cấp dưỡng cho con là tự nguyện của chị, Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Căn cứ khoản 3 Điều 82, Điều 83, 84, 116 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 anh C được quyền tới lui thăm nom con chung mà không ai được cản trở; vì lợi ích của con khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi việc nuôi con hay việc cấp dưỡng nuôi con.

[2.4] Về chia tài sản: hai bên khai không có, nên Tòa án không đề cập.

[2.5] Về nợ chung: ghi nhận hai bên xác định không có nợ chung, nhưng sau khi Bản án này có hiệu lực pháp luật, nếu có đương sự xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của chị Ch và anh C thì hai bên phải liên đới chịu trách nhiệm trong vụ án khác.

[3] Về án phí hôn nhân sơ thẩm, chị Ch phải chịu án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 53, khoản 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82, Điều 83, 84, 116 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội;

- Căn cứ khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Quan hệ hôn nhân: không công nhận chị Ch và anh C là vợ chồng.

2. Về nuôi con chung: giao con chung tên H, sinh ngày 02/4/2019 cho chị Ch tiếp tục nuôi dưỡng, chị Ch đang nuôi. Chị Ch không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con, nên anh C không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh C không trực tiếp nuôi con, anh có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi việc nuôi con hay việc cấp dưỡng cho con.

3. Về chia tài sản: không có.

Về nợ chung: ghi nhận hai bên xác định không có nợ chung, nhưng sau khi Bản án này có hiệu lực pháp luật, nếu có đương sự xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của chị Ch và anh C thì hai bên phải liên đới chịu trách nhiệm trong vụ án khác.

4. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: chị Ch phải chịu 300.000đ được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo biên lai thu tiền số 0006157 ngày 12/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh An Giang.

5. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện P;
- Chi cục THADS H. Phú Tân;
- UBND xã B;
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hồ Thị Kim Phương

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Đặng Văn Tác – Nguyễn Thị Kim Chi **Hồ Thị Kim Phương**